

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

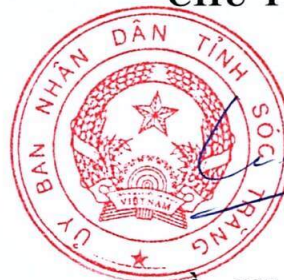
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2022 và thay thế Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban công tác về các TCPCPN;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT. *(13b)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Lâu**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại  
không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân  
nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2022/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là viện trợ) của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam nhằm mục đích phát triển kinh tế xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và bên cung cấp viện trợ (gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài được thành lập theo luật pháp nước ngoài) thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh Sóc Trăng được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

##### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Khoản viện trợ trong Quy chế này được thực hiện theo khoản 5 Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Cơ quan chủ quản trong Quy chế này là Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

##### **Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý, vận động, tiếp nhận và sử dụng viện trợ**

1. Quản lý, vận động, tiếp nhận và sử dụng viện trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật Việt Nam và các quy định khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Công tác vận động viện trợ được tiến hành thường xuyên, theo định hướng, có tổ chức và phải phù hợp với đường lối đối ngoại của Nhà nước, quy định pháp luật và định hướng thu hút viện trợ của tỉnh Sóc Trăng.

3. Phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các cấp, các sở, ngành, địa phương để chủ động thực hiện việc quản lý, vận động, tiếp nhận và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo quy định pháp luật và Quy chế này để đảm bảo các khoản viện trợ phát huy tối đa hiệu quả.

4. Nghiêm cấm mọi hoạt động tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tỉnh Sóc Trăng khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt và ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Không tiếp nhận những khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và không phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng.

6. Chủ khoản viện trợ, đơn vị tiếp nhận viện trợ có trách nhiệm triển khai thực hiện khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định liên quan của tỉnh Sóc Trăng và chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra liên quan trong quản lý, vận động, tiếp nhận và sử dụng hiệu quả khoản viện trợ.

#### **Điều 5. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ**

Hành vi bị cấm trong Quy chế này là các hành vi được quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

### **Chương II**

#### **THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ QUẢN LÝ KHOẢN VIỆN TRỢ**

##### **Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt khoản viện trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng**

1. Các khoản viện trợ không quy định tại khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 7 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Các khoản viện trợ khắc phục hậu quả được viện trợ trực tiếp cho tỉnh Sóc Trăng, không phụ thuộc vào quy mô khoản viện trợ.

3. Các khoản viện trợ mà bên tiếp nhận là các tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ra quyết định cho phép thành lập hoặc phê duyệt điều lệ hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của bên tiếp nhận viện trợ, trừ các tổ chức do Bộ Nội vụ ra quyết định thành lập.

##### **Điều 7. Hồ sơ khoản viện trợ và cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ**

1. Hồ sơ khoản viện trợ được lập theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp khoản viện trợ không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chủ khoản viện trợ và bên cung cấp viện trợ gửi hồ sơ đến các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Tùy thuộc vào quy mô, tính chất dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư có thể xem xét lập phương án mời các cơ quan chuyên môn ở Trung ương và địa phương, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định chương trình, dự án.

**Điều 8. Trình tự, nội dung thẩm định văn kiện chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án**

1. Trình tự thẩm định:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản lấy ý kiến thẩm định và hồ sơ chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án tới Sở Tài chính, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành và địa phương liên quan. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan.

b) Các cơ quan, tổ chức, địa phương có liên quan có trách nhiệm nghiên cứu, thẩm định hồ sơ viện trợ và có ý kiến trả lời bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời và chịu trách nhiệm về nội dung ý kiến thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đó; quá thời hạn quy định mà không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý với nội dung thuộc quản lý của cơ quan đó và đồng ý với việc tiếp nhận khoản viện trợ.

c) Hết thời gian lấy ý kiến thẩm định các cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định hồ sơ dự án trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt hoặc từ chối tiếp nhận khoản viện trợ.

d) Kết luận thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ. Trong trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho bên cung cấp viện trợ và bên tiếp nhận viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

2. Đối với viện trợ khắc phục hậu quả mang tính chất khẩn cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

3. Nội dung thẩm định: Thực hiện theo khoản 5 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

**Điều 9. Phê duyệt chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án**

1. Trên cơ sở kết luận thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án bao gồm các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày quyết định phê duyệt khoản viện trợ, cơ quan chủ quản thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt khoản viện trợ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định phê duyệt của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.

3. Sau 06 tháng kể từ ngày khoản viện trợ được phê duyệt, trường hợp khoản viện trợ vẫn chưa triển khai mà không có lý do chính đáng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu thu hồi quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ đã ban hành và thông báo cho bên cung cấp viện trợ được biết.

**Điều 10. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án trong quá trình thực hiện**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các khoản viện trợ quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Trường hợp điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung làm cho các khoản viện trợ quy định tại Điều 6 Quy chế này trở thành một trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP thì phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy chế này.

**Điều 11. Quản lý thực hiện viện trợ**

Quản lý thực hiện khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

**Điều 12. Quản lý tài chính viện trợ**

Quản lý tài chính viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

**Chương III**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆN TRỢ**

**Điều 13. Báo cáo, đánh giá thực hiện khoản viện trợ nước ngoài**

1. Chủ khoản viện trợ, Ban quản lý dự án thực hiện thường xuyên và định kỳ cập nhật toàn bộ các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện khoản viện trợ nước ngoài; phân tích đánh giá quá trình thực hiện một cách toàn diện nhằm kịp thời đưa ra những điều chỉnh cần thiết, đảm bảo khoản viện trợ được thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, đạt chất lượng và hiệu quả.

2. Báo cáo quản lý, thực hiện viện trợ nước ngoài:

a) Chủ khoản viện trợ, Ban quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cơ quan chủ quản xây dựng báo cáo tổng hợp 06 tháng và hàng năm về kết quả phê duyệt, tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài chậm nhất ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo và ngày 15 tháng 01 của năm tiếp sau.

**Điều 14. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với nguồn viện trợ nước ngoài**

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chịu trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều phối và tổ chức tiếp xúc với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương.

b) Cung cấp, chia sẻ thông tin về tình hình cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy đăng ký và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để làm cơ sở cho việc tiến hành vận động và thẩm định viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 05 năm và hàng năm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức có liên quan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh về trình tự, thủ tục tiếp nhận và sử dụng nguồn viện trợ nước ngoài.

c) Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và việc bổ sung, điều chỉnh các chương trình, dự án.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan cân đối và bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn vốn đối ứng cho các khoản viện trợ nước ngoài.

đ) Phối hợp với các ngành, các cấp thực hiện việc theo dõi, đánh giá và kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ nước ngoài.

e) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này để Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn về quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật.

b) Trên cơ sở đề nghị của chủ khoản viện trợ, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm phần vốn đối ứng để tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ (nếu được chỉ đạo bố trí từ ngân sách địa phương) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với những quy định của các chương trình, dự án đã được phê duyệt.

c) Quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

d) Tổng hợp tình hình quản lý tài chính đối với khoản viện trợ. Định kỳ 06 tháng và cả năm gửi báo cáo tới Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Kiểm tra giám sát tình hình quản lý tài chính và tuân thủ quy định tài chính đối với các tổ chức, đơn vị tiếp nhận viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

#### 4. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

b) Tổng hợp hàng năm về tình hình quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật Việt Nam về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Báo cáo định kỳ hàng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

#### 5. Công an tỉnh

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên lĩnh vực viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

c) Cung cấp các thông tin liên quan và tham gia thẩm định và góp ý kiến các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo các khoản viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đều có sự tham gia góp ý kiến của Công an tỉnh.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

đ) Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

6. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Sóc Trăng

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động vận động viện trợ nước ngoài.

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch vận động tài trợ, viện trợ nước ngoài, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

7. Bộ Chỉ huy Quân sự và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ viện trợ; quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự xã hội; tham gia ý kiến đối với khoản viện trợ được triển khai tại các khu vực, vị trí, địa bàn quan trọng liên quan đến quốc phòng, an ninh.

8. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ; thẩm định tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực quản lý; hướng dẫn đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đúng quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam của Chính phủ và của tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch hướng dẫn, kiểm tra, hạch toán ghi thu - ghi chi ngân sách đối với khoản viện trợ nước ngoài do các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận; định kỳ báo cáo kết quả về Sở Tài chính theo quy định.

c) Có trách nhiệm giải quyết các kiến nghị của chủ khoản viện trợ, đơn vị sử dụng viện trợ thuộc thẩm quyền.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Các nội dung khác liên quan đến quản lý, vận động, tiếp nhận và sử dụng khoản viện trợ không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

### **Điều 16. Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện Quy chế**

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh các vướng mắc, tồn tại có liên quan đến nội dung Quy chế này, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức đoàn thể và đơn vị có liên quan kịp thời



phản ánh bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.